

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HN ngày 30 tháng 11 năm 2021 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1973, nơi cư trú: số 59, tổ 02, ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyen Dung H, sinh năm 1962, nơi cư trú: 2116 Grandview Blvd Sioux city IA 51104, Hoa Kỳ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bá Võ Thị Bé trình bày:

Năm 2014 do mai mối bà Võ Thị B và ông Nguyen Dung H tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (số 254, Quyền 02 ngày 28-10-2014). Sau khi kết hôn, bà B và ông Nguyen Dung H chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, từ năm 2015 bà Bé và ông Nguyen Dung H không còn chung sống với nhau. Bà B yêu cầu ly hôn với ông Nguyen Dung H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyen Dung H đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà Bé xin vắng mặt và ông Nguyen Dung H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, ông Nguyen Dung H quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại: 2116 Grandview Blvd Sioux city IA 51104, Hoa Kỳ. Nguyên đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Võ Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Nguyen Dung H có địa chỉ tại Hoa Kỳ nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ không thực hiện được việc ủy thác tổng đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 17-01-2022, đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Nguyen Dung H về vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Võ Thị B và ông Nguyen Dung H có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-10-2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 254, Quyển 02 ngày 28/10/2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, sau khi kết hôn, bà B và ông Nguyen Dung H chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được, năm 2015 đến nay bà B và ông Nguyen Dung H không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà B yêu cầu ly hôn với ông Nguyen Dung H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên được chấp nhận. Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-10-2014, vào sổ

đăng ký kết hôn số 254, Quyền 02 ngày 28-10-2014 của Ủy ban nhân tỉnh A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Bà B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.959.360 đồng, khấu trừ tạm ứng đã nộp, bà B được nhận lại 60.640 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị B.

1. Bà Võ Thị B được ly hôn với ông Nguyen Dung H.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-10-2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 254, Quyền 02 ngày 28-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002943 ngày 11-6-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị B phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.959.360 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007483 ngày 15-6-2021 của Cục thi hành án dân sự

tỉnh An Giang. Bà B được nhận lại 60.640 đồng (sáu mươi ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Bà Võ Thị B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007449 ngày 15-6-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Võ Thị B đã nộp đủ lệ phí uỷ thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Võ Thị B là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Dung H là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Dương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm